

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 315/2024/DS-ST

Ngày: 20/8/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
góp hui*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Bé Ba;
- Ông Nguyễn Phúc Viễn;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1972;

Địa chỉ: số 280/1 ấp HG, xã MP, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976;

Địa chỉ: 42/25/16 NTT, Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ông Đoàn Phương Q, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Đoàn Phương T2, sinh năm 1996;

2/ Chị Lê Thị Lan C, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Ông D có đơn xin vắng mặt, anh S, ông Q, anh T2, chị C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Đỗ Thị H, có đại diện ủy quyền là ông Phạm Ngọc D trình bày:*

Bà Đỗ Thị H có tham gia hội do bà Nguyễn Thị T1, ông Đoàn Phương Q làm chủ hội, hội có hoa H. Cụ thể những dây hội như sau:

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 25/4/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hội là Thủy (Đẹp). Dây hội này bà đã đóng được 9 kỳ hội sống với số tiền 6.300.000 đồng.

- Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 25/4/2023 âm lịch, gồm có 24 phần, bà tham gia 01 phần, ghi tên trong danh sách hội là Thủy (Đẹp). Dây hội này bà đã đóng được 9 kỳ hội sống với số tiền 6.300.000 đồng.

- Dây hội 5.000.000 đồng/tháng, khai hội ngày 25/6/2023 âm lịch, gồm có 22 phần, bà tham gia 02 phần, ghi tên trong danh sách hội là Thủy (em Đẹp dứa) và Lắm (bạn Thủy). Dây hội này bà đã đóng được 7 kỳ hội sống với số tiền 51.100.000 đồng.

Tất cả các dây hội trên bà T1 và ông Q đã ngưng gom hội từ tháng 01/2024 âm lịch mà không trả tiền hội sống lại cho bà. Tổng cộng bà T1 và ông Q còn nợ bà số tiền hội là 63.700.000 đồng. Trong quá trình chơi hội, bà T1 và ông Q làm chủ hội, còn con trai và con dâu là anh T2 và chị C lập danh sách hội viên, nhận tiền hội thay bà T1 và ông Q.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T1, ông Q, anh T2 và chị C liên đới trả cho bà số tiền hội còn nợ là 63.700.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 10/6/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:*

Năm 1988 bà có kết hôn với ông Đoàn Phương Q và theo chồng về ở làm dâu nhà ba mẹ chồng. Bà đã làm dâu nhiều năm nên không có đi làm, không có nguồn thu nhập ổn định. Vào năm 2008, bà làm hội góp vốn sẽ có nguồn thu nhập từ chủ hội tiền đầu thảo để có tiền mua sắm tư trang cá nhân mà không lệ thuộc bên chồng. Giữa năm 2008, bà kêu gọi tham gia hội và bà là đầu thảo hội, mỗi tháng mở hội từ 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Bà làm chủ hội gom hội, giao hội đều do các hội viên thống nhất đồng ý. Công việc làm hội ổn định đến năm 2021 do dịch bệnh nên hội viên không có khả năng đóng hội, bà phải vay mượn tiền để đóng cho các hội viên. Đến tháng 02/2024 thì bà không có khả năng đóng hội thay cho các hội viên đã hết. Nay bà còn thiếu bà Đỗ Thị H số tiền hội là 63.700.000 đồng và xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai bị đơn ông Đoàn Phương Q trình bày:*

Vào năm 1988, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị T1. Ông bà có hai con chung là Đoàn Phương Tiến và Đoàn Phương T2. Ông bà sống chung đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên sống ly thân, việc vô hội góp vốn ông hoàn toàn không có tham gia.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Phương T2 và chị Lê Thị Lan C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T2 và chị C vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Tại phiên tòa:* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc D có đơn xin vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T1 là anh Nguyễn Thanh S, bị đơn ông Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T2 và chị C vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Đoàn Phương Q có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 63.700.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 và ông Đoàn Phương Q trả số tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà T1 và ông Q cư trú tại ấp LPC, xã LHL, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông D có đơn xin vắng mặt, đại diện ủy quyền của bị đơn bà T1 là anh S, bị đơn ông Q, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh T2 chị C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Trong quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông D xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T1 và ông Q trả số tiền hui 63.700.000 đồng, không yêu cầu anh T2 và chị C cùng liên đới trả tiền. Xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy bà H có tham gia hui do bà T1 làm chủ hui, hui có hoa H. Tại bản tự khai, bà T1 thừa nhận là bà có làm chủ hui và bà H có

tham gia hội với bà. Do đó có đủ cơ sở xác định giữa bà H và bà T1 có xác lập giao dịch hội với nhau theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 thừa nhận và thống nhất số tiền hội còn nợ bà H là 63.700.000 đồng. Quá trình tham gia hội, bà H là hội viên, đóng hội đầy đủ cho bà T1. Hiện nay, các dây hội bà H tham gia đều bị bể hội, phía bà T1 không hoàn trả lại số tiền đóng hội cho bà H là vi phạm trách nhiệm của chủ hộ theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền 63.700.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới: Ông Q trình bày ông và bà T1 là vợ chồng nhưng đã ly thân từ năm 2000 đến nay, ông hoàn toàn không có tham gia việc tổ chức gom hội của bà T1 nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Phụng. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà T1, ông Q cư trú thì ông Q, bà T1 hiện vẫn chung sống vợ chồng cùng nhà tại địa chỉ ấp Lương Phú C, xã Lương Hòa Lạc, huyện Chợ Gạo. Bà T1 làm chủ hội rất lâu, chủ yếu thực hiện việc mở hội và khai hội, ông Q chồng bà T1 cùng con trai và con dâu là anh T2, chị C có nhiệm vụ giúp bà T1 gom hội, nhận tiền hội, giao hội và lập danh sách hội viên. Ngoài việc giúp bà T1 làm hội thì ông Q cũng có thu nhập thêm từ nguồn trồng dừa. Do đó lời trình bày của ông Q cho rằng ông không liên quan gì đến việc tranh chấp hội giữa các hội viên với bà T1 là không có cơ sở mà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả tiền cho bà H theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tiền lãi: Bà H không có yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về thời gian trả: Đại diện ủy quyền của bà T1 tại biên bản hòa giải trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên bà T1 xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn và cũng không được phía nguyên đơn đồng ý cho trả dần. Do đó cần buộc bà T1 và ông Q có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 63.700.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T1 và ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

[10] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 39, 92, 147, 227, 228, 235, 238, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự;

